

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 157, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 15/2020/TLST-DS, ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Triệu Văn T

Bà Hoàng Thị T.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

* Bị đơn: Ông Triệu Trung H (Triệu Văn H). Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện C.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Long Thị H – Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện C.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nguyên đơn ông Triệu Văn T, bà Hoàng Thị T được quyền sử dụng phần đất tranh chấp có diện tích 1283,2m² thuộc thửa số 389 tờ bản đồ địa

chính đất lâm nghiệp xã Y. Thửa đất được giới hạn bởi các mốc 21-25-22-24-21. Địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

2.2. Bị đơn ông Triệu Trung H (Triệu Văn H) được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp 5.207,5m² nằm trong thửa đất số 409 đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK637201 ngày 17/10/2012 cho ông Triệu Trung H. Thửa đất được giới hạn bởi các mốc 16-17-18-25-22-23-16. Địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

(Các thửa đất được xác định theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn có bản trích đo và tọa độ các mốc giới kèm theo)

2.3. Nguyên đơn ông Triệu Văn T, bà Hoàng Thị T không đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK637201 ngày 17/10/2012 do UBND huyện C cấp cho ông Triệu Trung H đối với thửa đất số 409.

2.4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 9.100.000^d *(Chín triệu một trăm nghìn đồng)*

- Nguyên đơn chịu 4.600.000^d *(Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng)* tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

- Bị đơn chịu 4.500.000^d *(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do đó bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 4.500.000^d *(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Việc thi hành án dân sự đối với số tiền chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.5. Về án phí: Nguyên đơn ông Triệu Văn T, bà Hoàng Thị T tự nguyên chịu 150.000^d *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông T, bà T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 75.000^d *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)*. Ông T, bà T phải chịu 75.000^d *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 06165 ngày 19/12/2019 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Ông Triệu Văn T, bà Hoàng Thị T được hoàn trả lại 225.000^d (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Cục THADS tỉnh Bắc Kạn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đàm Thị Minh Hương